

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MINH CHÂU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thu Thủy
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thu Thủy

Mã SV: 1412404027

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu.
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu.
- Km9+300, đường 5 cũ, An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Châu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 5 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thu Thủy

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	2
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.1.1. Khái quát về doanh thu.....	2
1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.....	2
1.1.3. Phân loại doanh thu	3
1.2. Lý luận chung về chi phí	13
1.2.1. Khái niệm về chi phí.....	13
1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí.....	13
1.2.3. Các loại chi phí.....	14
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.3.1. Khái niệm	22
1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:	22
1.3.3. Chứng từ sử dụng	22
1.3.4. Tài khoản sử dụng:	22
1.3.5. Phương pháp hạch toán	22
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	23
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	25
1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ	26
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH CHÂU	29
2.1 Tổng quan về công ty TNHH thương mại Minh Châu.	29
2.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH thương mại Minh Châu	29
2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty TNHH Minh Châu ...	31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Minh Châu	31
2.1.4.2 Chế độ kế toán.....	34
2.1.4.1. Hệ thống chứng từ sử dụng tại đơn vị.	34
2.1.4.2. Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.....	34

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Minh Châu	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng Công ty TNHH Minh Châu	36
2.2.2: Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Minh Châu.....	46
2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	56
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu.....	65
2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu	70
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH CHÂU	76
3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu.....	76
3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu.....	76
3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại Minh Châu	78
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Minh Châu	78
3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.	78
3.2.2 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	81
3.2.3 Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.....	83
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	87

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các Công ty phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các Công ty phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả trong hoạt động kinh doanh trong Công ty.

Sau thời gian thực tập ở Công ty TNHH Thương Mại Minh Châu em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh đồng thời ảnh hưởng đến tình hình hiện thực tài chính của Công ty, giúp Công ty có cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Minh Châu em đã quyết định đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài ;” **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Minh Châu**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong Công ty

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương mại Minh Châu

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Minh Châu

Vì thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại Minh Châu.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái quát về doanh thu

- Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế Công ty thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những Công ty nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với Công ty thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.1.3. Phân loại doanh thu

1.1.3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

a) Khái niệm:

*** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.

- Công ty không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

+Phương thức hàng đổi hàng: Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa được cung ứng trên thị trường.

+Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp.

b) Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118- Doanh thu khác.

c) Chứng từ và sổ sách sử dụng

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).

Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, ...

Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các
+ **Kết cấu TK 511**

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 	<p>Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ.</p>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

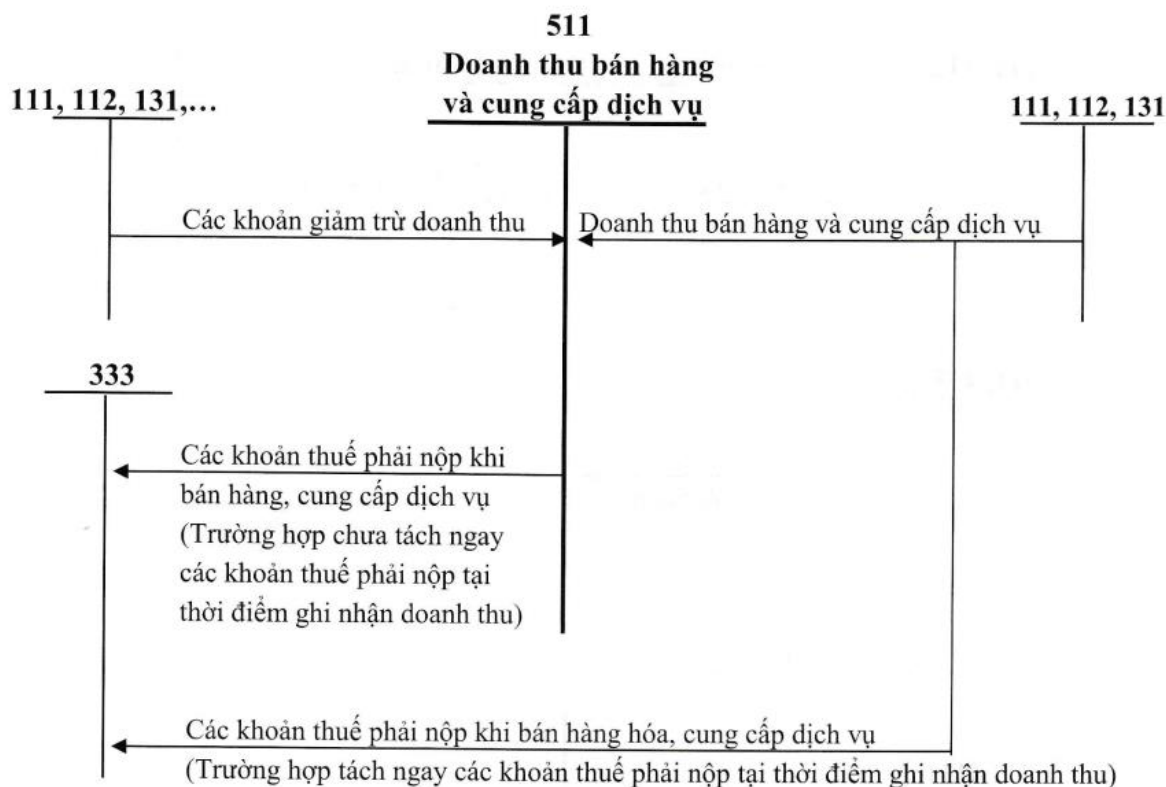
- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.
- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

TK này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh khoản thuế và các khoản nộp thừa vào ngân sách Nhà nước

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.3.2. Doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm:

***Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

b. Tài khoản sử dụng:

*** Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, liên doanh, đầu tư, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vốn khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Chứng từ sử dụng:

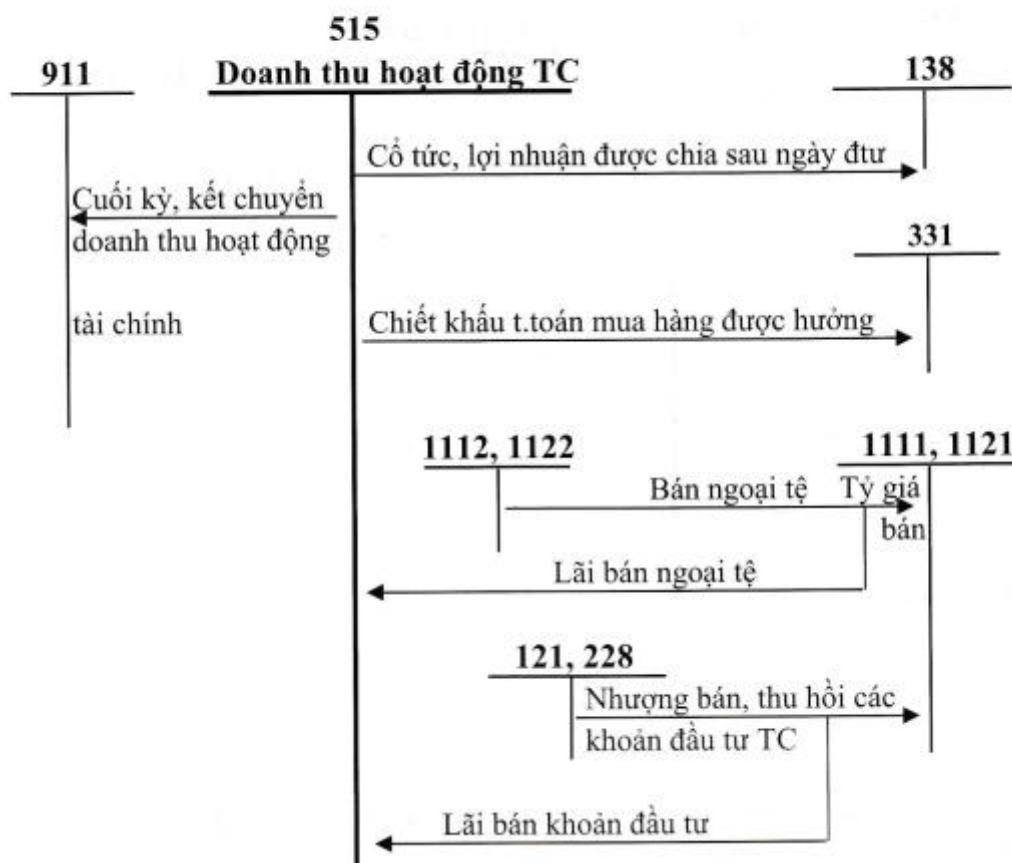
- Giấy bảo lãi, giấy bảo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

a) **Kết cấu TK 515:**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



1.1.3.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm:

***Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa Công ty đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện

đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Giảm giá hàng bán là khoản tiền Công ty (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

-Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp): Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với Công ty chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

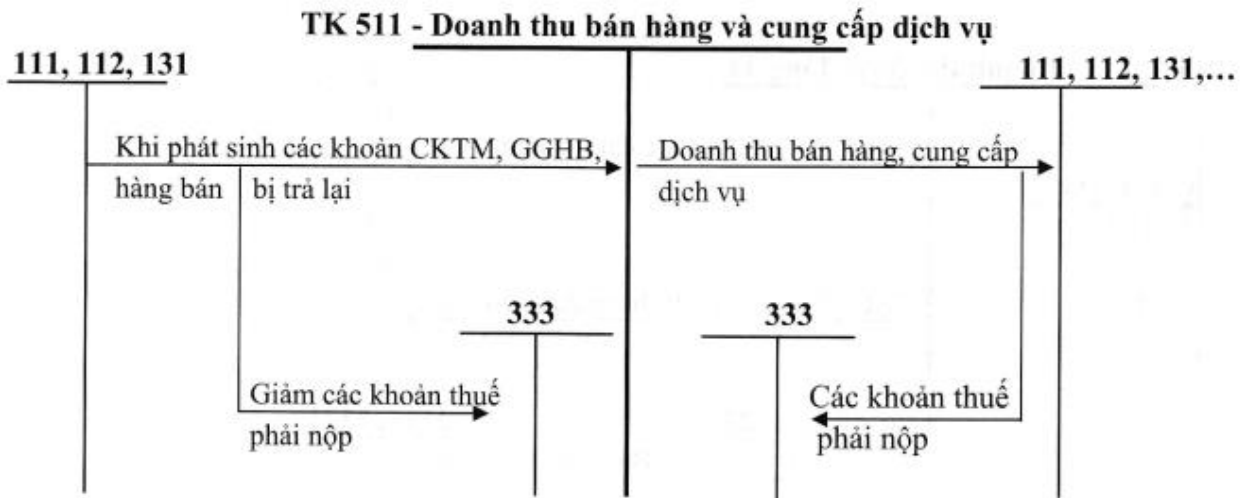
- Thuế TTĐB: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

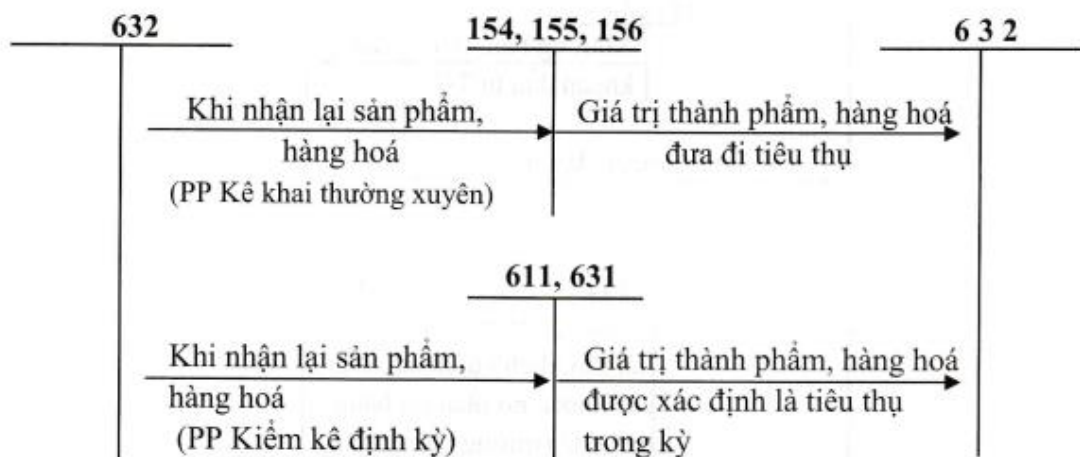
a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511

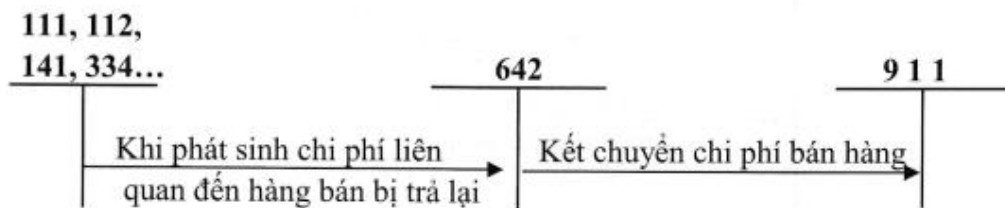
KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU



Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



1.1.3.4. Thu nhập khác

a. Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho Công ty như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác

a. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 - Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty.

Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

Một số quy định khi hạch toán thu nhập khác

Nội dung của thu nhập khác của Công ty bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lại do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2. Lý luận chung về chi phí

1.2.1. Khái niệm về chi phí

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch, ... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chi phí trong Công ty thương mại bao gồm:

- + Giá vốn bán hàng: Tài khoản 632.
- + Chi phí hoạt động tài chính: Tài khoản 635.
- + Chi phí quản lý kinh doanh: Tài khoản 642.
- + Chi phí hoạt động khác: Tài khoản 811.
- + Chi phí thuế thu nhập Công ty: Tài khoản 821.

- Giá vốn bán hàng là giá trị hàng xuất kho. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị xuất kho của Công ty.

- Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của Công ty.

- Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí phục vụ cho bộ phận bán hàng và quản lý Công ty.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

+ Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý Công ty là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của Công ty.

- Chi phí hoạt động khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của Công ty.

- Chi phí thuế thu nhập Công ty là số thuế thu nhập Công ty phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập Công ty hiện hành.

1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí

+ Mỗi Công ty, chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

+ Đối với Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu,

vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định trị giá vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá trị vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

1.2.3. Các loại chi phí

1.2.3.1. Chi phí giá vốn hàng bán

a) Khái niệm:

- Đối với Công ty sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành. Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong các phương pháp sau: phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, phương pháp thực tế đích danh.

- Đối với Công ty thương mại: trị giá vốn của hàng hóa xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

b) Tài khoản sử dụng:

-Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

-Chi hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

-Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

- Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán Công ty nhỏ và vừa (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC, ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, Công ty có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá vốn bình quân gia quyền được tính

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá vốn} \\ \text{hàng xuất kho} \\ \text{BQGQCK} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \\ \text{Lượng hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng trị giá hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \\ \text{Tổng lượng hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \\ \text{Tổng lượng hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia} \\ \text{quyền sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi. Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

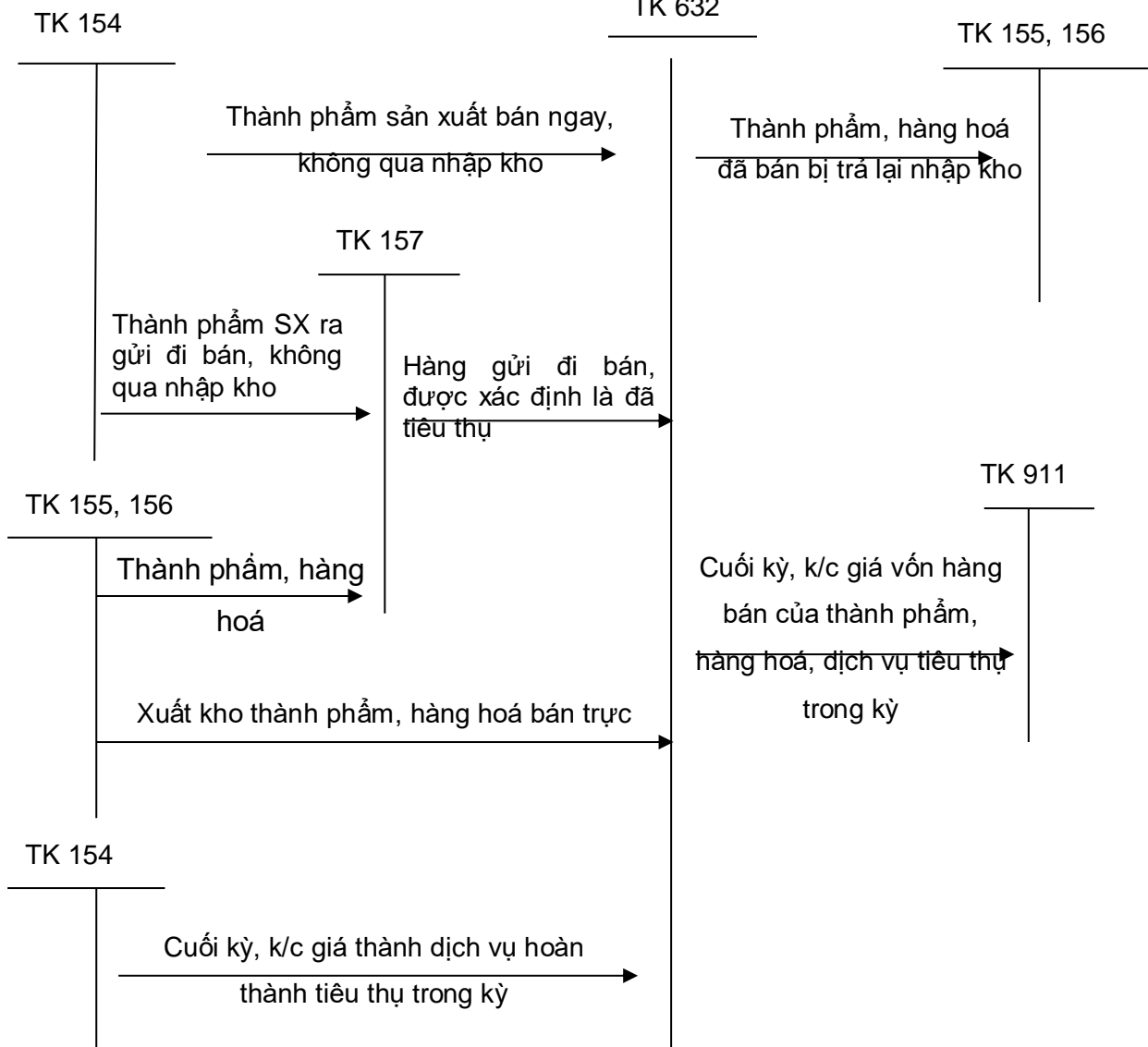
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

- Phương pháp giá đích danh: giá của hàng tồn khi sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy đơn giá loại đó.

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
 - Phiếu xuất kho.

- Phương pháp hạch toán

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.2. Chi phí quản lý kinh doanh

a) Khái niệm:

Chi phí quản lý kinh doanh: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn Công ty. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác.

b) Chứng từ sử dụng

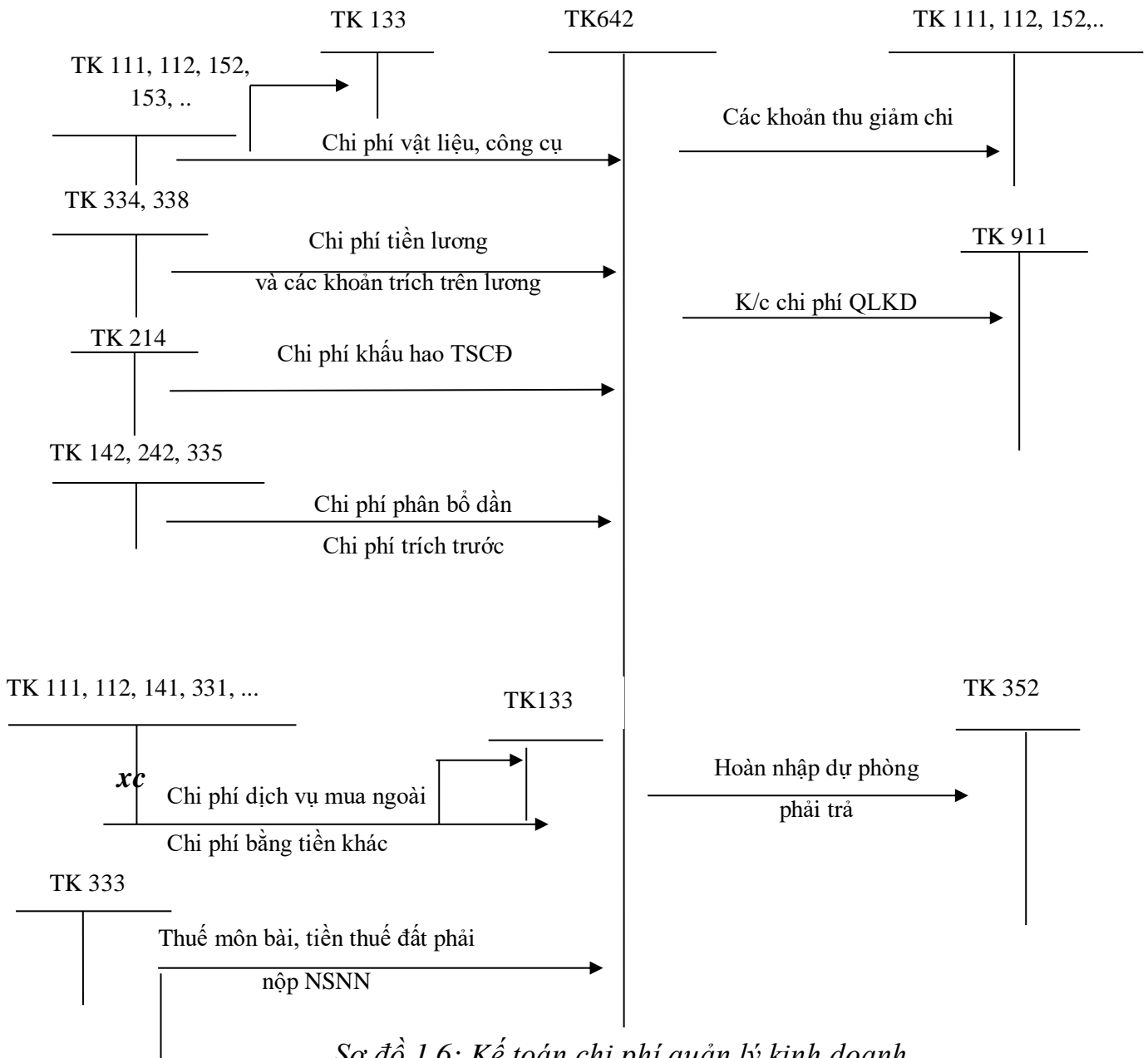
- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

c) Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “Chi phí bán hàng”
- TK6422 “Chi phí quản lý Công ty”

Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.3. Chi phí hoạt động tài chính

a) Khái niệm: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635- chi phí tài chính, phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

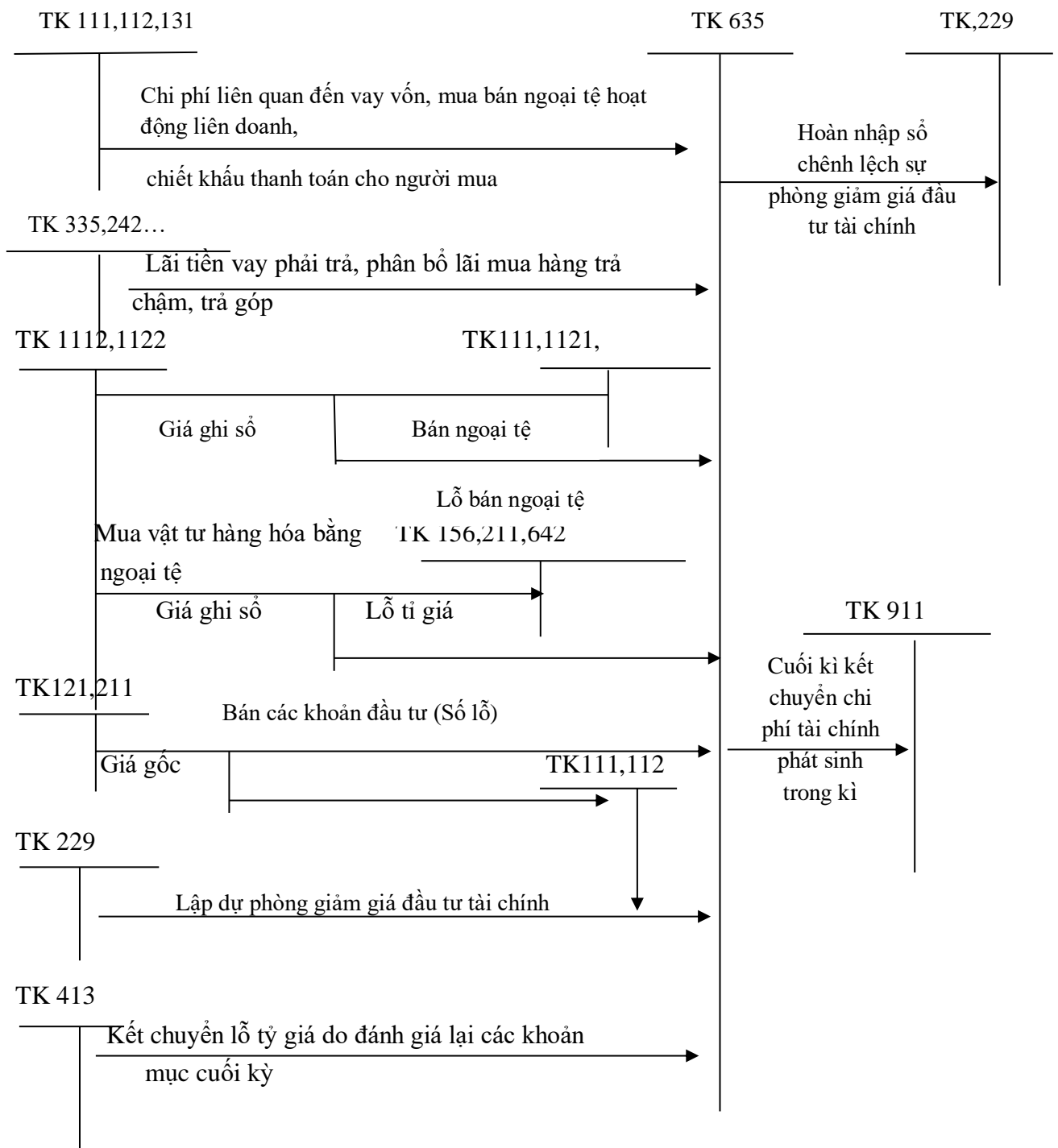
Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí khác.

c) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí tài chính

1.2.3.4. Chi phí hoạt động khác

a. Khái niệm:

Chi phí khác phát sinh bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác...

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811- Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

c. Chi phí khác của Công ty gồm:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác;

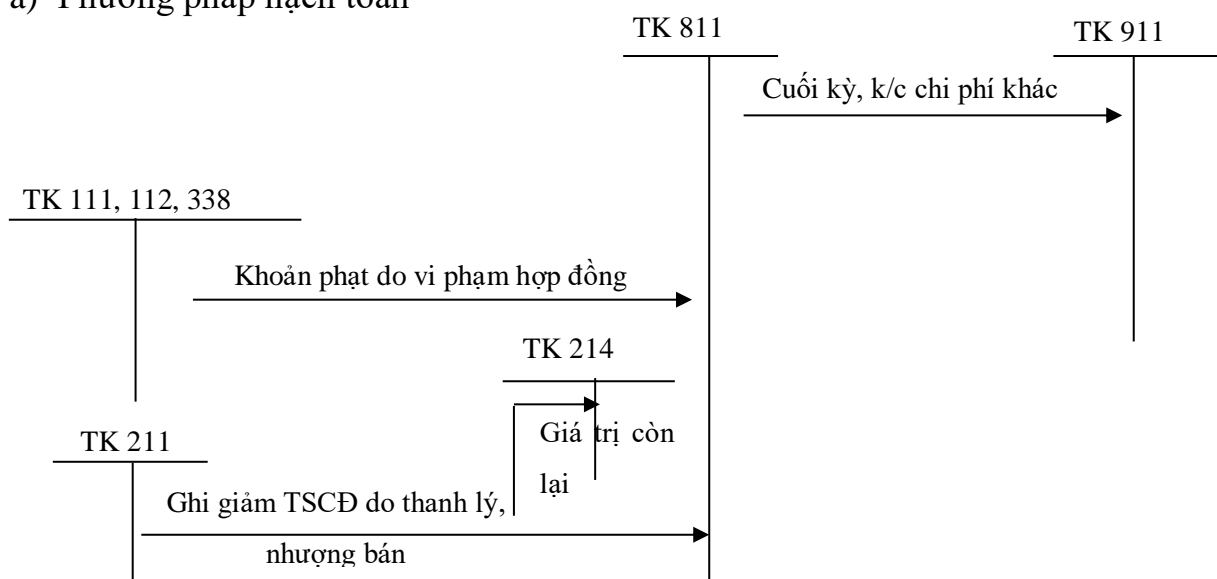
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế;

Các khoản chi phí khác;

Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

a) Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác

1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà Công ty đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

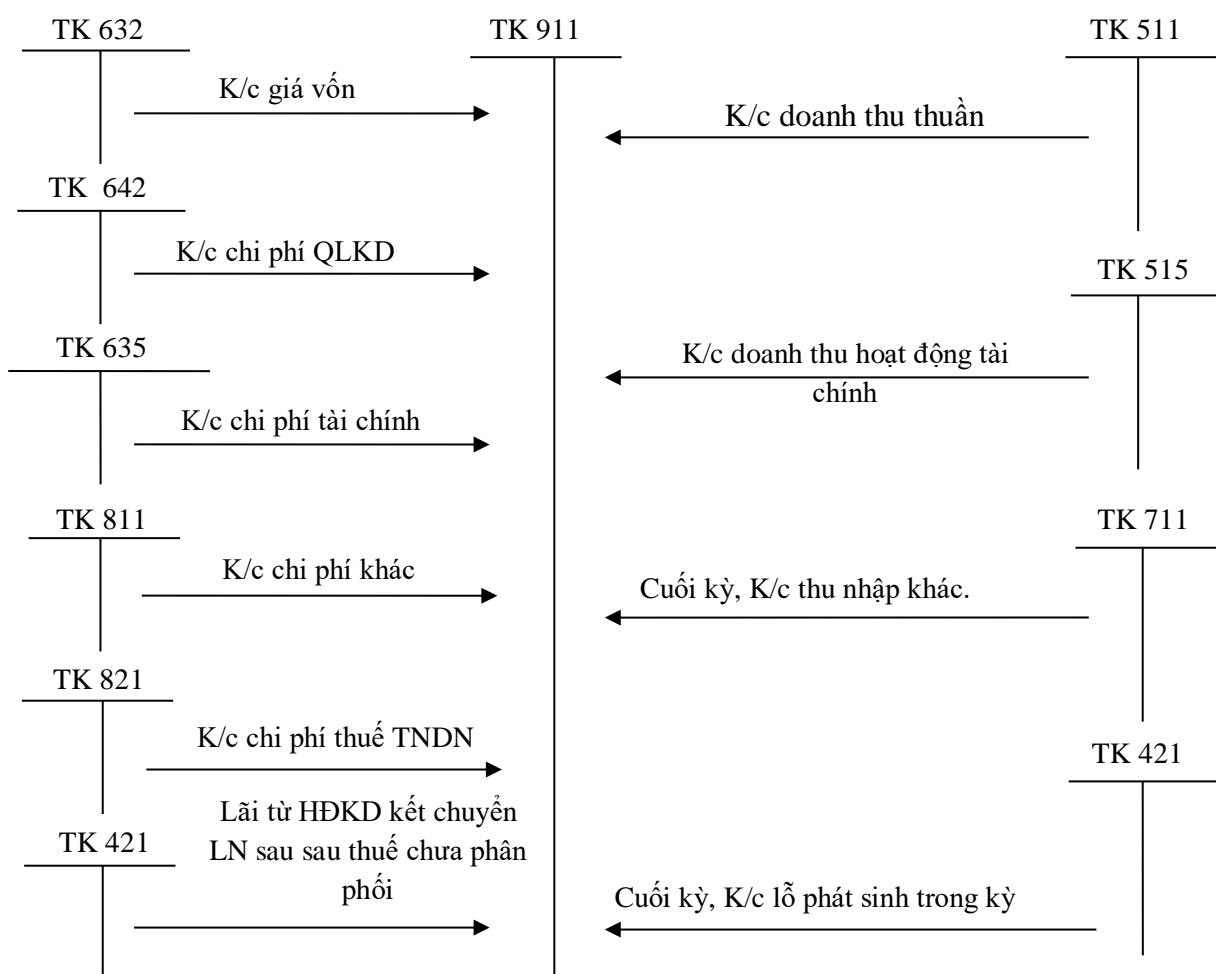
1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.4. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

1.3.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Kế toán kết quả kinh doanh

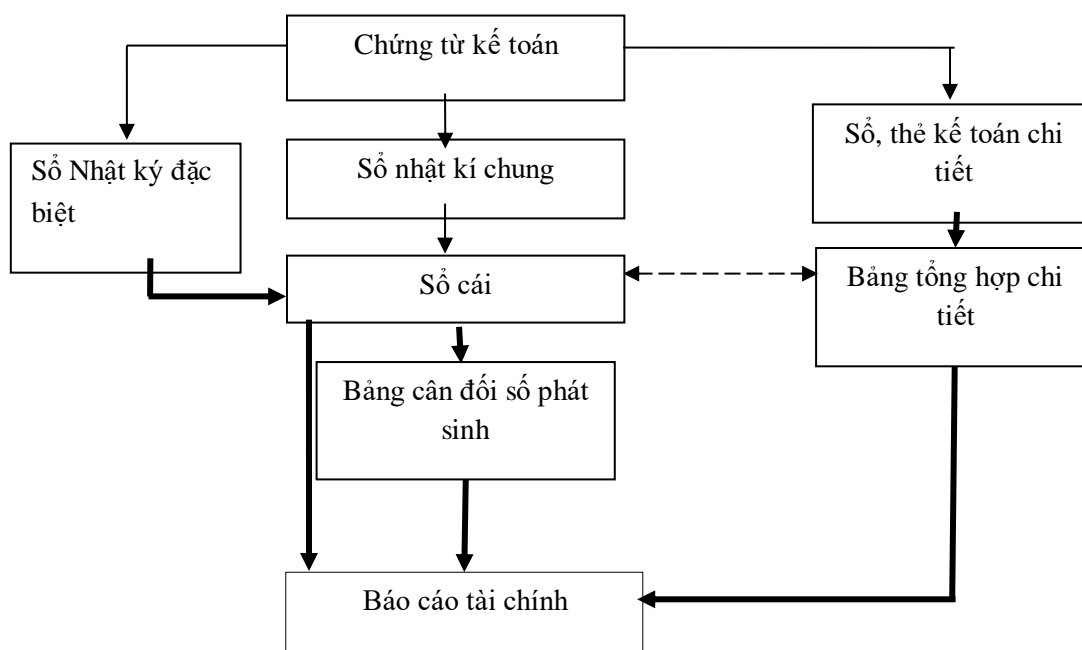
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công ty được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán:

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: SX – TM – DV – XD có quy mô vừa và nhỏ.

Quy trình ghi sổ:**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để

lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Ưu điểm:

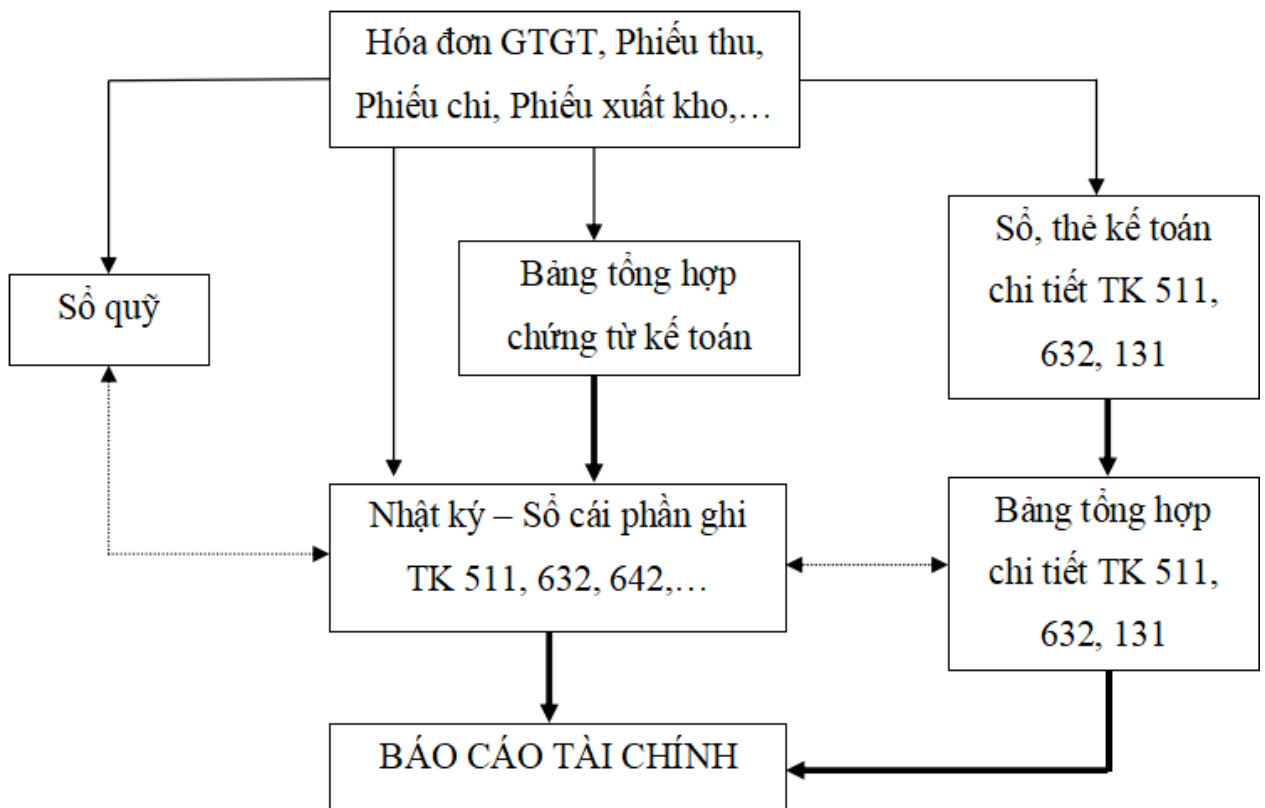
- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

+ ***Nhược điểm:*** Lượng ghi chép nhiều.

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

Quy trình ghi sổ:

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái

+ **Ưu điểm**

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp

Nhật ký – sổ cái

+ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)

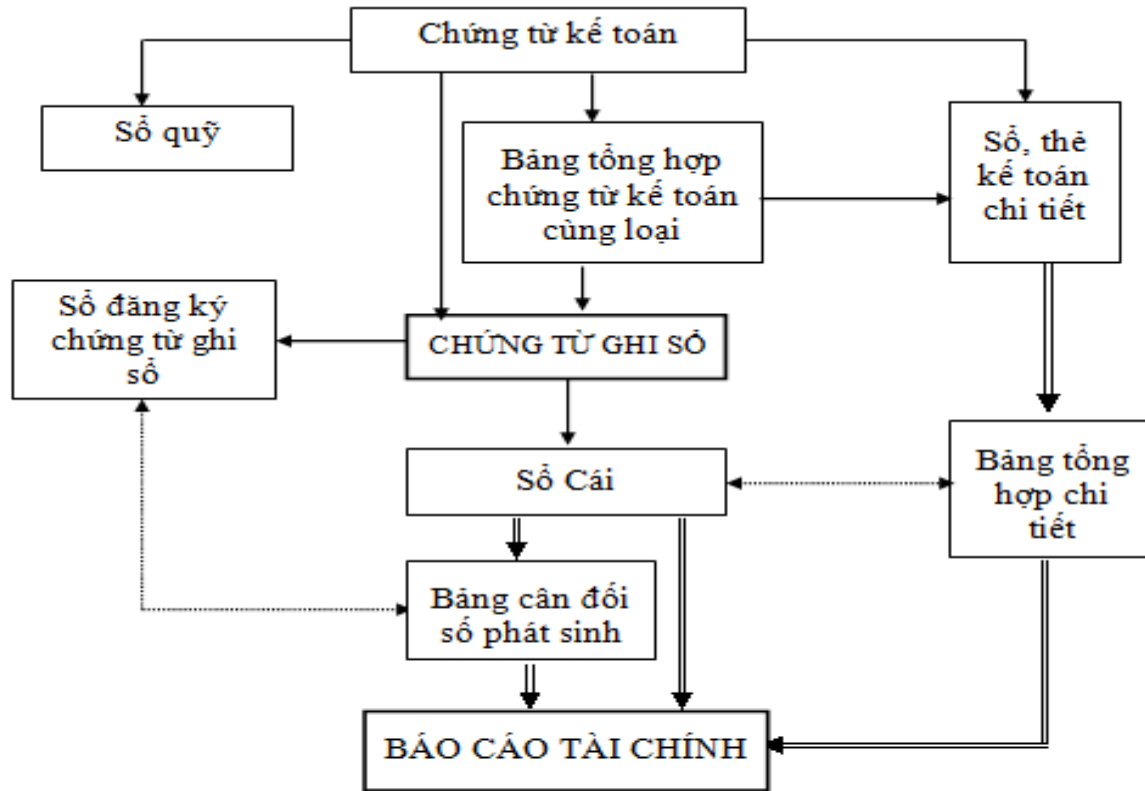
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Quy trình ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

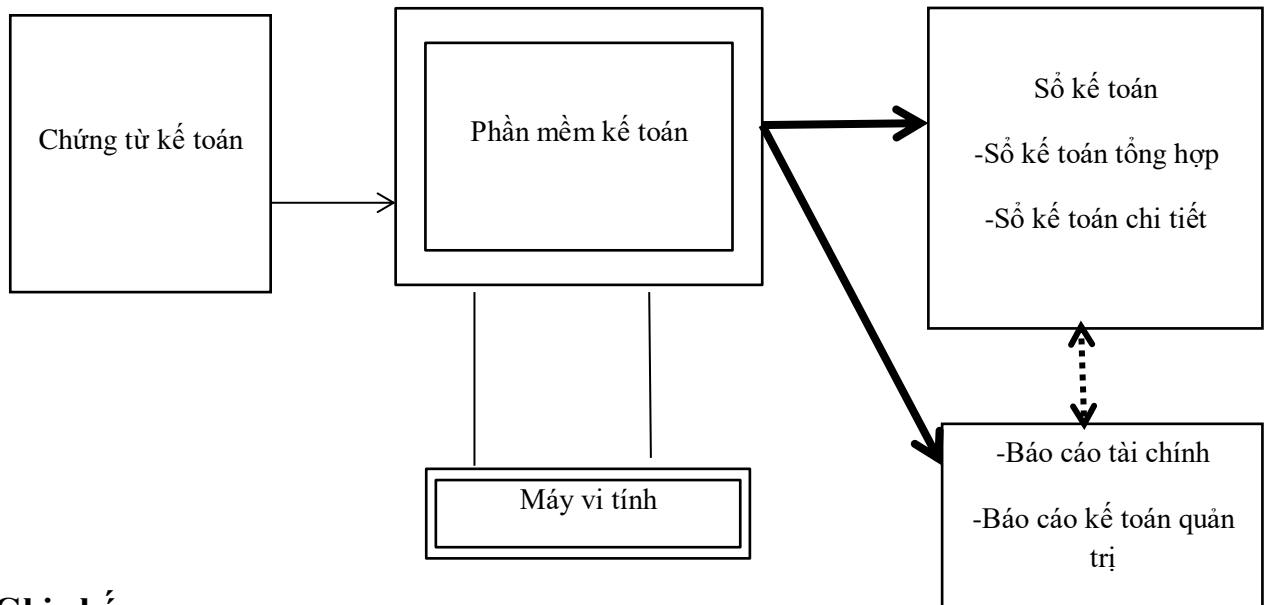
+ *Nhược điểm*

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy

định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: —————>

In sổ, báo cáo cuối hàng cuối năm —————>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra <----->

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH CHÂU

2.1 Tổng quan về công ty TNHH thương mại Minh Châu.

2.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH thương mại Minh Châu

Công ty TNHH đầu tư và sản xuất thương mại Minh Châu (*Công ty TNHH thương mại Minh Châu*)

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, An Hồng, An Dương, Hải Phòng

Điện thoại: :0225.3804.985

Giám đốc: Ông Nguyễn Minh Châu

Mã số thuế: 0200671615

Tài khoản: 2100201333735 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng.

Quy mô: Công ty vừa và nhỏ.

+ Lĩnh vực kinh doanh: gồm các loại nước giải khát như: nước cam, nước yến, nước ICE, nước bí đao, nước chanh leo.....

Một số chỉ tiêu thể hiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Minh Châu trong những năm gần đây

Đơn vị: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017
I	Giá trị sản lượng	210.730.679.250	245.850.678.365	270.657.594.679
II	Doanh thu thuần	236.755.189.790	228.551.422.112	255.543.688.382
III	Lợi nhuận sau thuế	2.515.645.125	3.303.291.571	3.884.135.623
IV	Nộp ngân sách	4.588.950.675	5.052.562.168	6.086.143.704
V	Thu nhập bình quân	6.000.000	7.000.000	7.600.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty TNHH thương mại Minh Châu)

a. Thuận lợi

_ Công ty nằm trên địa bàn Hải Phòng, nơi có nguồn nhân lực dồi dào nên vấn đề tuyển dụng lao động là thuận lợi

_ Điều kiện kinh tế chính trị ổn định, chính sách kinh tế mở trong thời kỳ đổi mới tạo đà cho sự phát triển và hội nhập vào nền kinh tế thế giới của Công ty.

_ Đội ngũ cán bộ cnv, người lao động trẻ có khả năng tiếp thu nhanh kỹ thuật sản xuất.

_ Đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, kỹ thuật vững vàng

_ Đặc điểm về ngành nghề thương mại nước giải khát đem lại một số thuận lợi cho sự phát triển của Công ty. Vì thực tế cho đời sống vật chất tinh thần của mỗi người càng được nâng cao thì nhu cầu ăn uống càng trở nên quan trọng.

b. Khó khăn

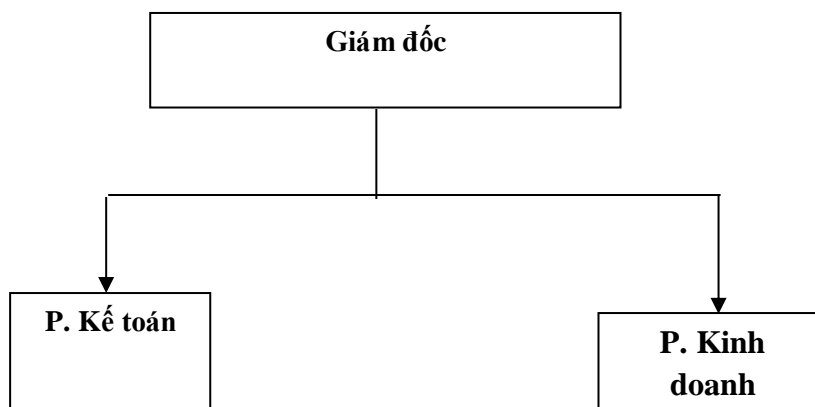
_ Đặc điểm về ngành kinh doanh cũng gây ra những khó khăn nhất định như: ngành nước giải khát thường xuyên thay đổi về mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm, thay đổi theo đơn đặt hàng của khách hàng từng nước, nên phải đòi hỏi sự linh hoạt trong kỹ thuật sản xuất, nghiên cứu, sáng tạo mẫu mã.

_ Do đặc thù của ngành sản xuất hàng nước giải khát nên số công nhân trong Công ty là nam chiếm tỷ lệ cao 80%. Nếu vấn đề sức khỏe của công nhân, quản lý, công làm, công nghỉ cũng gặp nhiều khó khăn nhất định. Thực tế số công nhân trẻ đang ở độ tuổi sinh đẻ nên phải dành nhiều thời gian chăm lo đến đời sống gia đình.

_ Một số cán bộ công nhân viên trẻ nên còn bị hạn chế về kinh nghiệm.

_ Tình hình cạnh tranh trên thị trường cả trong và ngoài nước, thiếu thông tin về thị trường.

2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty TNHH Minh Châu



Sơ đồ 2.1 Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Minh Châu

Chức năng nhiệm vụ của các cấp quản lý:

Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng thành viên và là người đại diện hợp pháp của Công ty trước cơ quan Nhà nước và pháp luật, quyết định các chủ trương mục tiêu của Công ty, điều hành kinh doanh và giám sát kiểm tra toàn bộ hệ thống hoạt động trong Công ty. Đảm nhận công việc khai thác, tìm kiếm khách hàng và cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của khách hàng.

Phòng kinh doanh: tìm hiểu thị trường, tìm nguồn khách hàng và đưa ra chiến lược cung cấp nguồn hàng phù hợp cũng như khách hàng có tiềm năng.

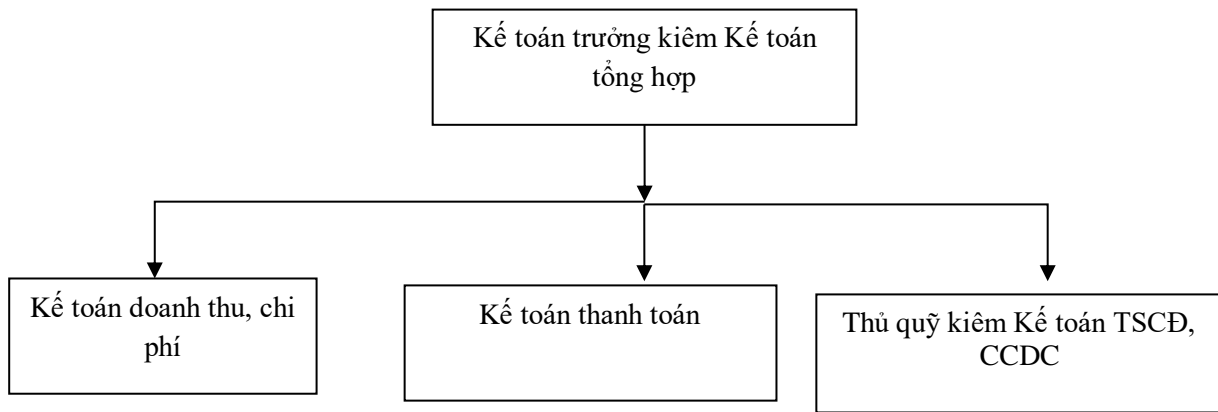
Phòng Tài chính –Kế toán: Tổ chức công tác hoạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty. Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh của Công ty và tham mưu cho giám đốc, trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính –kế toán.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Minh Châu

2.1.4.1. Đặc điểm và bộ máy kế toán của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Minh Châu được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của Công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của Công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Minh Châu

• **Kế toán trưởng kiêm Kế toán tổng hợp**

- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.

- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin và hạch toán kế toán, tài chính của Công ty.

- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.

- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của Công ty.

- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính Công ty không phù hợp với chế độ quy định.

- Tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong Công ty theo quy định của Công ty.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

- Tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong Công ty theo quy định của Công ty.

- Lập các báo cáo tài chính theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,

- **Kế toán thanh toán**
 - Phải theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của Tiền mặt (TK 111) và Tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi đó chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và sổ của thủ quỹ và sổ kế toán tiền gửi ngân hàng với sổ phụ ngân hàng thì kế toán cần tìm ra nguyên nhân chênh lệch và điều chỉnh kịp thời.
 - Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Giám đốc.
 - Kiểm soát hóa đơn, chứng từ đầu vào sao cho hợp pháp, hợp lý, hợp lệ để được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
 - Thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.
- **Kế toán doanh thu, chi phí:**
 - Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.
 - Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.
 - Báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty.
- **Thủ quỹ kiêm Kế toán TSCĐ, CCDC**
 - Thủ quỹ thực hiện các vấn đề liên quan đến thu và chi tiền mặt.
 - Kiểm tra các phiếu, vé, hóa đơn, chứng từ thanh toán của cá nhân cán bộ công nhân viên hoặc tập thể, thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chế độ, chính sách quy chế của Công ty.
 - Mở sổ quỹ ghi chép đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, thực hiện kiểm quỹ cuối ngày, làm báo cáo thu, chi, tồn quỹ đúng nghiệp vụ quy định.
 - Thực hiện nhiệm vụ quản lý kho văn phòng phẩm của Công ty.
 - Quản lý và theo dõi số lượng tài sản cố định.
 - Trích khấu hao đầy đủ những tài sản tham gia vào SXKD.
 - Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.
 - Kế toán tính toán và phân bổ giá trị của vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ quy định.

- Ước lượng vật liệu đảm bảo cung cấp đủ vật liệu cho công trình tránh trường hợp dư thừa vật liệu.

2.1.4.2 Chế độ kế toán

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, theo hướng dẫn tại Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Chế độ chứng từ: Các chứng từ kế toán đều thuộc loại hướng dẫn
- Tất cả các biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ Cái, sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn.
- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/N và kết thúc vào ngày 31/12/N.
- Đơn vị tính và sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính là: đồng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Hạch toán công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.1.4.1. Hệ thống chứng từ sử dụng tại đơn vị.

- Hóa đơn: Hóa đơn GTGT đầu vào, đầu ra.
- Lao động, tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương công nhân viên, bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương.
- Tài sản cố định: Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ.

2.1.4.2. Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

➤ Hàng ngày:

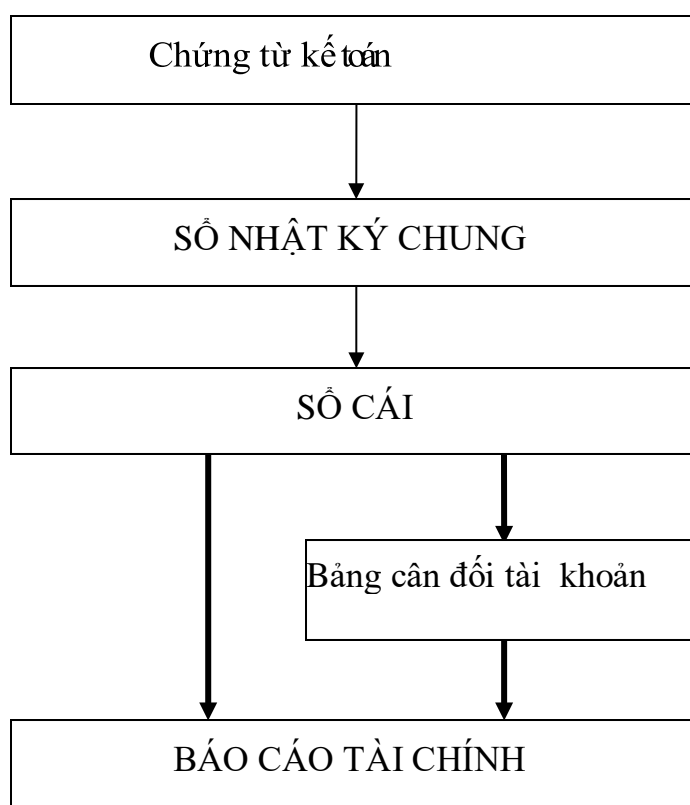
- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

-Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

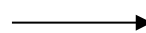
➤ **Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:**

- Cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



2.1.4.3. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

❖ **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của công ty nhỏ và vừa bao gồm:**

- Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01a - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản : Mẫu số F01 - DNN

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Minh Châu

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng Công ty TNHH Minh Châu

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà Công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng là buôn bán nước giải khát

- Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng: Thu ngay bằng tiền mặt, thu qua chuyển khoản hoặc ghi nhận nợ

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

- Tài khoản sử dụng:

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:

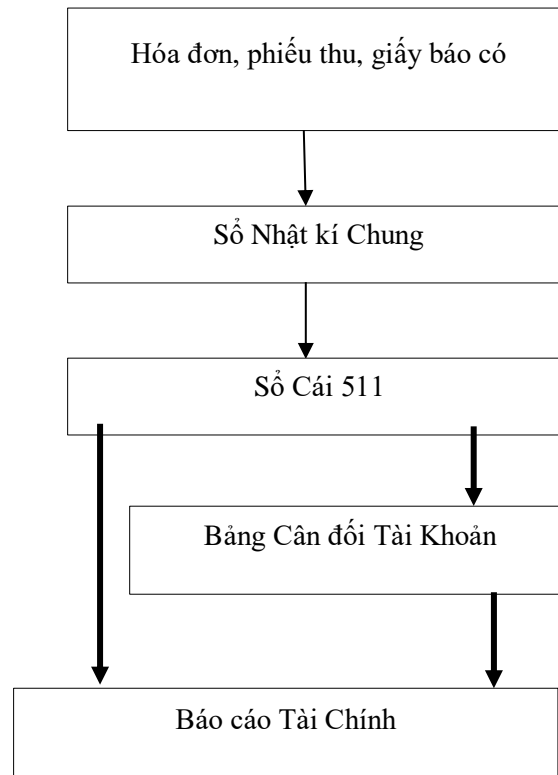
TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

- Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật ký chung.

Sổ cái các tài khoản

Trình tự hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

Ví dụ 1:

Ngày 4/12/2017 Bán hàng cho ông Dương Xuân Thành đại lý nước giải khát TT giá chưa thuế GTGT 10% là 17.900.000 chưa thanh toán

Định khoản:

Nợ TK 131: 19.690.000

Có TK 511: 17.900.000

Có TK 3331: 1.790.000

_ Từ HĐ GTGT số 1922 (biểu số 1) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 5) vào sổ cái TK 511 (biểu số 6)

Biểu số 1: hóa đơn GTGT 0001922

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Liên 3: nội bộ

Số: 0001922

Ngày **04 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, xã An Hồng, huyện An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại 0225 3804 985:

MST:0200671615

Họ tên người mua hàng: Dương Xuân Thành

Tên đơn vị: Đại lý nước giải khát TT

Địa chỉ:Số 275 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Nước Cam	Thùng	100	124.182	12.418.200
02	Nước Yến	Thùng	50	109.636	5.481.800
Cộng tiền hàng:					17.900.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.790.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.690.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Ví dụ 2: Bán cho đại lý Phương Vỹ 50 thùng nước cam đơn giá 124.182đ/thùng chưa VAT theo HĐGTGT 00001930, thanh toán ngay bằng tiền mặt

Định khoản:

Nợ TK 111: 6.830.010

Có TK 511: 6.209.100

Có TK 3331: 620.910

- Từ HĐ GTGT ghi sổ số 1930 (biểu số 2) phiếu thu số 1/Q1 (biểu số 3) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 5) và sổ cái 511 (biểu số 6)

Biểu số 2: hóa đơn GTGT 00001930**HOÁ ĐƠN**
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: nội bộ

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Số: 00001930

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, xã An Hồng, huyện An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại 0225 3804 985:

MST:0200671615

Họ tên người mua hàng: Lưu Phương Vỹ

Tên đơn vị: Đại lý nước giải khát Phương Vỹ

Địa chỉ:Số 27 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế:

0	2	0	0	4	7	8	4	2	2			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Nước Cam	Thùng	50	124.182	6.209.100
Cộng tiền hàng:					6.209.100
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			620.910
Tổng cộng tiền thanh toán					6.830.010

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 3: Phiếu thu số 1/Q1**Đơn vị :** Công Ty TNHH

Thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP**Mẫu số 01- TT***(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC**ngày 26/08/2016 của BTC)***PHIẾU THU****Số 1/Q4**

Ngày 11/12/2017

Họ và tên người nộp tiền: Lưu Phương Vỹ

Địa chỉ: 27 Trần Nguyên Hãn, TP Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 6.830.010

(Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm mười đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm mười đồng

Ví dụ 3:

Ngày 15/12, xuất 50 thùng nước yến với đơn giá 109.636/thùng(chưa VAT) theo HĐGTGT số 0001941 cho đại lý Hồng Hạnh , thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 6.029.980

Có TK 511 : 5.481.800

Có TK 3331: 548.180

- Từ HĐ GTGT ghi sổ số 1941 (biểu số 4) kế toán ghi sổ nhật kí chung (biểu số 5) và sổ cái 511(biểu số 6).

Biểu số 4: Hóa đơn số 1941**HOÁ ĐƠN**
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Liên 3: nội bộ

Số: 0001941

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, xã An Hồng, huyện An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản: 2100201333735

Điện thoại: 0225 3804 985 MST:0200671615

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Đại lý Hồng Hạnh

Địa chỉ:Số 236 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	9	3	4	5	7	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Nước Yến	Thùng	50	109.636	5.481.800
		Cộng tiền hàng:			5.481.800
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			548.180
		Tổng cộng tiền thanh toán			6.029.980

Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đóng dấu
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 5: Trích Nhật ký chung :

Đơn vị : Công ty TNHH

Mẫu số S03a - DNN

Thương mại Minh Châu

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
04/12	HĐ 1922	4/12	Bán 100 thùng nước cam , 50 thùng nước yến cho đại lý nước giải khát TT	131	19.690.000	
				511		17.900.000
				3331		1.790.000
....
11/12	HĐ 1930	11/12	Bán 50 thùng nước cam cho đại lý phượng vỹ	111	6.830.010	
				511		6.209.100
				3331		620.910
....
15/12	HĐ 1941	15/12	Bán 50 thùng nước yến cho đại lý Hồng Hạnh	112	6.029.980	
				511		5.481.800
				3331		548.180
....
			Cộng lũy kế từ đầu năm		200.534.657.90	200.534.657.90
					0	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi số
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: (Trích sổ cái năm 2017)**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03b - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu tài khoản : 511**

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	B	1	2	3
			Số dư đầu kỳ			
4/12	HĐ 1922	4/12	Bán 100 thùng nước cam , 50 thùng nước yến cho đại lý TT	131		17.900.000
...
11/12	HĐ 1930	11/12	Bán 50 thùng nước cam cho đại lý phượng vĩ	111		6.209.100
....
15/12	HĐ 1941	15/12	Bán 50 thùng nước yến cho đại lý Hồng Hạnh	112		5.481.800
...
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu thu nhập	911	33.357.341.397	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		33.357.341.397	33.357.341.397

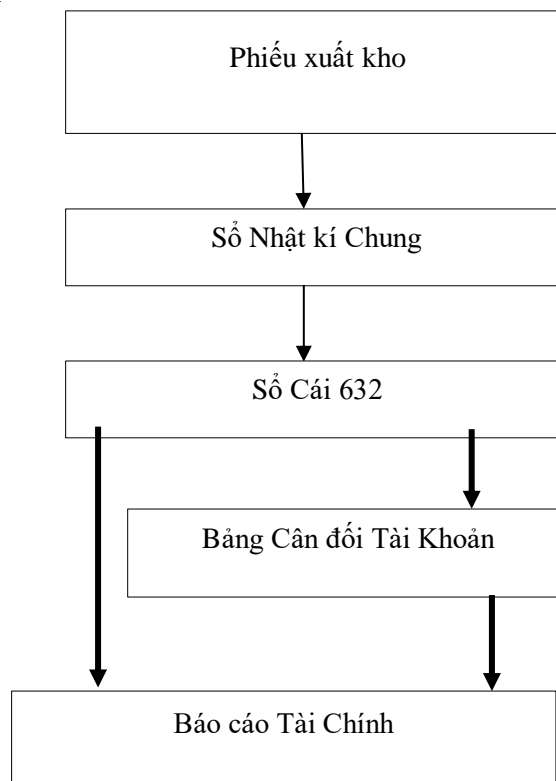
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

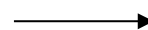
2.2.2: Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Minh Châu

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế xuất kho
- Tài khóa sử dụng:
 - + Tài khoản 632: giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 632
- Cách tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Trình tự hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Cách tính trị giá hàng xuất kho:

Nước cam:

Do tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước nên giá vốn giá xuất kho tháng 12 được tính như sau:

Ngày 01/12 tồn 200 Đơn giá : 120.000

Ngày 02/12 nhập 50 Đơn giá : 110.000

- Đơn giá xuất nước cam là : 120.000/1 thùng

- Trị giá xuất kho cả tháng = 100 x 120.000 = 12.000.000 được ghi vào bảng kê phiếu xuất

Nước yến:

Do tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước nên giá vốn xuất kho tháng 12 được tính như sau:

Ngày 01/12 tồn 200 Đơn giá : 100.000

Ngày 2/12 nhập 50 Đơn giá : 95.000

Đơn giá xuất kho nước yến là 100.000đ/ thùng

Trị giá nước yến xuất kho cả tháng = 50 x 100.000 = 5.000.000 được ghi vào bảng kê phiếu xuất

Từ phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Ví dụ 4 : Tiếp theo VD1

Ngày 4/12, Công ty bán 100 thùng nước cam và 50 thùng nước yến cho ông Dương Xuân Thành theo HĐ số 0001922 ngày 4/12/2017 chưa thanh toán, giá vốn nước cam 120.000đ/thùng và nước yến 100.000đ/thùng, giá bán tại kho nước cam 124.182đ/thùng, nước yến 109.636đ/thùng.

Định khoản: Nợ 632	120.000 x 100+100.000 x 50 = 17.000.000
Có 156	17.000.000

_ Từ phiếu xuất kho 1311(biểu số 7) kê toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 10) vào sổ cái TK 632 (biểu số 11)

Biểu số 7 : Phiếu xuất kho**Đơn vị :** Công Ty TNHH**Mẫu số 02- VT**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của BTC)***PHIẾU XUẤT KHO****Số 1311****Ngày 04 tháng 12 năm 2017**

Họ và tên người nhận hàng:

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng Địa chỉ:

Lý do xuất: Xuất bán hàng cho khách

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước cam	NCAM	thùng	100	100	120.000	12.000.000
2	Nước yến	NYEN	thùng	50	50	100.000	5.000.000
	Tổng cộng			150	150		17.000.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ví dụ 6: Tiếp VD2

Ngày 11/12, bán cho đại lý Phương Vỹ 50 thùng nước cam đơn giá 124.182đ chưa VAT theo HĐGTGT 0000694, thanh toán ngay bằng tiền mặt, giá vốn nước cam 120.000đ/thùng.

Định khoản:

Nợ 632	6.000.000
Có 156	6.000.000

_ Từ phiếu xuất kho 1321(biểu số 8) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 10) vào sổ cái TK 632 (biểu số 11)

Biểu số 8 : Phiếu xuất kho**Đơn vị :** Công Ty TNHH**Mẫu số 02- VT**

Thương mại Minh Châu

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: KM 9+300, đường 5 cũ, HP

ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO**Số: 1321****Ngày 11 tháng 12 năm 2017**

Họ và tên người nhận hàng: Lưu Phương Vỹ

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước cam	NCAM	thùng	50	50	120.000	6.000.000
	Tổng cộng			50	50		

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu hai trăm linh chín nghìn một trăm đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ví dụ 7: Tiếp VD3:

Ngày 15/12, xuất 50 thùng nước yến với đơn giá 109.636/thùng(chưa VAT) theo HĐGTGT số 0001989 cho đại lý Hồng Hạnh , đã thanh toán bằng chuyển khoản, biết giá vốn nước yến 100.000đ/thùng.

Định khoản:

Nợ 632	5.000.000
Có 156	5.000.000

_ Từ phiếu xuất kho 1328(biểu số 9) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 10) vào sổ cái TK 632 (biểu số 11)

Biểu số 9: Phiếu xuất kho**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số 02 -VT**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO****Số 1328****Ngày 15 tháng 12 năm 2017**

Họ và tên người nhận hàng: Vũ Hồng Hạnh

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho Công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nước yến	NYEN	thùng	50	50	100.000	5.000.000
	Tổng cộng			50	50		

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 10: Trích sổ Nhật ký chung**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03a - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	D	2	3	4
....
PXK 1311	4/12	Xuất kho nước cam và nước yến cho ông Thành	632	17.000.000	
			156		17.000.000
PXK 1321	11/12	Xuất kho nước cam đại lý Phượng Vĩ	632	6.000.000	
			156		6.000.000
PXK 1328	15/12	Xuất kho nước yến đại lý Hồng Hạnh	632	5.000.000	
			156		5.000.000
....
		Cộng lũy kế từ đầu năm		200.534.657.900	200.534.657.900

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 11: (Trích sổ cái năm 2017)**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03b - DNN**

Thương mại Minh Châu

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản :** Giá vốn hàng bán**Số hiệu tài khoản :** 632

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	B	1	2	3
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PXK 1311	4/12	Bán 100 thùng nước cam , 50 thùng nước yến cho đại lý TT	156	17.000.000	
PXK 1321	11/12	Bán 50 thùng nước cam cho đại lý phượng vĩ	156	6.000.000	
PXK 1328	15/12	Bán 50 thùng nước yến cho đại lý Hồng Hạnh	156	5.000.000	
....
PKT30	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		30.448.537.000
		Cộng lũy kế từ đầu năm		30.448.537.000	30.448.537.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi...

+ Bảng thanh toán lương

- Tài khoản sử dụng:

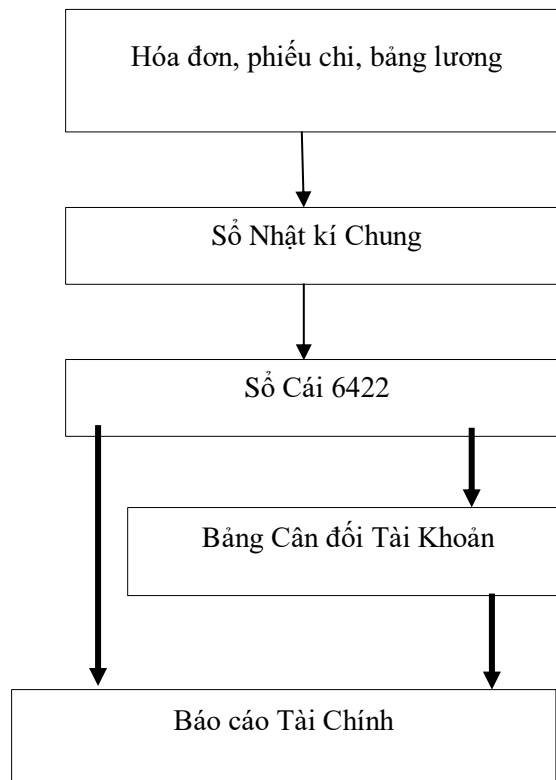
+ Tài khoản 6422: Chi phí quản lý công ty

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 6422

Trình tự hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →

Ví dụ 7:

Ngày 11/12, Công ty thanh toán sửa chữa máy photocopy và máy Fax phục vụ ở bộ phận hành chính cho công ty TNHH phát triển TM&DV Đỗ Gia

Định khoản:

Nợ TK 6422: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

_ Từ HĐ GTGT số 1935 (biểu số 12) và phiếu chi(biểu số 13) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 16) vào sổ cái TK 642 (biểu số 17)

Biểu số 12: HĐGTGT

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Số: 00001935

Liên 2: Giao cho Khách hàng
Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỒ GIA

Địa chỉ: Số 116 Cát Bi, Q.Hải An, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.588.295

MST:0201310065

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, xã An Hồng, Huyện An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Thanh toán sửa chữa máy photo và máy fax				1.000.000
Cộng tiền hàng:					1.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			100.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.100.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 13: Phiếu chi

Đơn vị : Công Ty TNHH

Thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP

Mẫu số 01- TT

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11/12/2017

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuấn Anh

Địa chỉ: Công ty TNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Đỗ Gia

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 1.100.000

(Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

Ví dụ 8:

Ngày 15/12, Công ty mua văn phòng phẩm theo HĐGTGT số 0000201 ngày 15/12/2017 nhằm phục vụ bộ phận văn phòng quản lý của công ty TNHH và dịch vụ Minh Huy

Định khoản:

Nợ TK 6422: 1.340.000

Nợ TK 133: 134.000

Có TK 111: 1.474.000

_ Từ HĐ GTGT số 201 (biểu số 14) và phiếu chi(biểu số 15) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 16) vào sổ cái TK 642 (biểu số 17)

Biểu số 14: HD GTGT 00001936**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/16P

Số: 0000201

Liên 2: Giao cho Khách hàng

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VÀ DỊCH VỤ MINH HUY

Địa chỉ: Số 14 lô 22 , Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.830.327

MST: 0200562846

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, An Hồng, An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

0	2	0	0	6	7	1	6	1	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....Ma số trực.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Giấy Plus	Bịch	10	52.000	520.000
02	Bút bi	Bịch	10	57.000	570.000
03	Mực dầu	Bịch	2	125.000	250.000
		Cộng tiền hàng:			1.340.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			134.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			1.474.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 15: Phiếu chi**Đơn vị :** Công Ty TNHH**Mẫu số 01- TT**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** KM 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của BTC)***PHIẾU CHI**

Ngày 15/12/2017

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Nhung

Địa chỉ: Công ty TNHH TM và DV MINH HUY

Lý do nộp: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.474.000

(Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tu nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tu nghìn đồng

Biểu số 16: Trích sổ Nhật ký chung**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03a - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty TNHH phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	6422	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
....
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	6422	1.340.000	
				133	134.000	
				111		1.474.000
....
....
			Cộng lũy kế từ đầu năm		200.534.657.900	200.534.657.900

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 17:**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03b - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ CÁI****TÊN TK: CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY****SỐ HIỆU: 6422**

Năm 2017

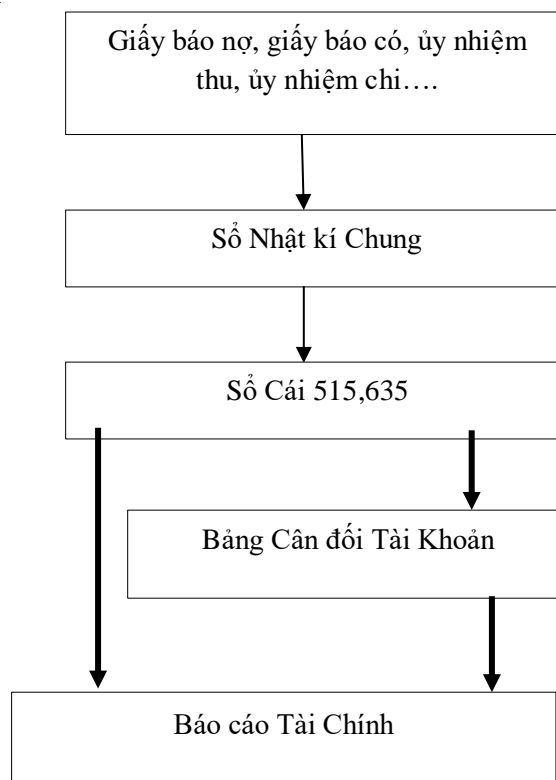
Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTKD U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
8/1	PC11/12	8/1	Sửa máy photo và máy fax	111	1.000.000	
...
15/12	PC15/12	15/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.340.000	
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển chi phí	911		1.826.395.201
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.826.395.201	1.826.395.201

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu.

- Chứng từ sử dụng.
 - + Giấy báo nợ.
 - + Giấy báo có.
 - + Ủy nhiệm thu.
 - + Ủy nhiệm chi.
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 515: “ Doanh thu Tài chính”
 - + TK 635: “ Chi phí tài chính”
- Ghi sổ theo hình thức:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 515, 635,...

Trình tự hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

Ví dụ 9: Ngày 31/12 , Công ty TNHH thương mại Minh Châu nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Techcombank với số tiền 329.490 đồng bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 329.490

Có TK 515: 329.490

_ Từ Giấy báo có (biểu số 18) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 19)
vào sổ cái TK 515 (biểu số 20)

Biểu số 18: Giấy báo có của ngân hàngNgân hàng TMCP Kỹ thương
Việt Nam

Chi nhánh : TCB- Hải Phòng

MST: 0100230800

Số giao dịch:
FT163666000093003

MÃ SỐ: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/ 16T

Số: 17728857523345.000002

PHIẾU BÁO CÓ

Tên tổ chức: CONG TY TNHH THƯƠNG MAI MINH CHAU

MST: 0200681236

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, An Hồng, An Dương, HP

Người chuyển tiền:

Người nhận tiền

Tên tài khoản: VND-Ngân hàng
TechcombankTên tài khoản: VND-TGTT-CTY TNHH
THƯƠNG MAI MINH CHAU

Số tài khoản: 10200215600268

Số tài khoản: 10920629999019

Tại ngân hàng: Techcombank

Tại Ngân hàng: Techcombank

Nội dung

Số tiền

Chuyen khoan

329.490.00

Phi

0.00

Thuế VAT

0.00

Tổng phí+ thuế VAT

0.00

Tổng số tiền

329.490.00

Loại tiền:

VND

Số tiền bằng chữ: (Ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng)

Ngày giá trị: 31/12/2017

Chi tiết CT TNHH MINH CHAU NHAN TIEN LAI

Lập phiếu

Kiểm soát

Trưởng phòng kế toán

Phiếu này được in từ dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank

Biểu số 19: Trích sổ nhật ký chung**Đơn vị :** Công ty TNHH

Thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP**Mẫu số S03a - DNN***(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC**ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
11/12	PC11/12	08/12	Sửa máy photocopy và máy fax của Công ty TNHH phát triển và dịch vụ thương mại Đỗ Gia	642	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
....
15/12	PC15/12	24/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty Minh Huy	642	1.340.000	
				133	134.000	
				111		1.474.000
....
31/12	GBC	31/12	Nhận lãi vay của TECHCOMBANK	112	329.490	
				515		329.490
....
			Cộng lũy kế từ đầu năm		200.534.657.900	200.534.657.900

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 20: Trích sổ cái TK 515**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03b - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2017****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu: 515**

Đơn vị tính: VNĐ

<i>Ngày ghi sổ</i>	<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>Số hiệu TK</i>	<i>Số tiền</i>	
	<i>Số hiệu</i>	<i>Ngày tháng</i>			<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
			<i>Số dư đầu năm</i>			
			<i>Số phát sinh</i>			
31/13	GBC	31/12	<i>Nhận lãi tiền gửi</i>	112		329.490
31/12	PKT29	31/12	<i>Kết chuyển doanh thu thu nhập</i>	911	8.927.306	
			<i>Cộng lũy kế từ đầu năm</i>		8.927.306	8.927.306
			<i>Số dư cuối năm</i>			

- Trong năm tại Công ty không phát sinh chi phí hoạt động tài chính

2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - + TK 812: Chi phí thuế thu nhập công ty
 - + TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

_ Từ các phiếu kế toán (biểu số 21,22,23,24,25) kế toán vào sổ Nhật kí chung (biểu số 26) vào sổ cái TK 911 (biểu số 27)

* Ví dụ 1: Ngày 31/12 kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2017

Biểu số 21: Phiếu kế toán số 01

Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Km 9+300, đường 5 cũ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	33.357.341.397
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.927.306
	Cộng			33.366.268.703

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 22: Phiếu kế toán số 02

Công ty TNHH Minh Châu

Km 9+300, đường 5 cũ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	30.448.537.000
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.826.395.201
	Cộng			32.274.932.201

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 23: Phiếu kế toán số 03

Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Km 9+300, đường 5 cũ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	218.267.300
	Cộng			218.267.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 24: Phiếu kế toán số 04

Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Km 9+300, đường 5 cũ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	218.267.300
	Cộng			218.267.300

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 25: Phiếu kế toán số 05

Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Km 9+300, đường 5 cũ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	837.069.202
	Cộng			837.069.202

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 26: Sổ nhật kí chung**Đơn vị :** Công ty TNHH

Thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP**Mẫu số S03a - DNN***(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC**ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm 2017****Đơn vị tính: VNĐ**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính,	511	33.357.341.397	
				515	8.927.306	
				911		33.366.268.703
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	32.274.932.201	
				632		30.448.537.000
				642		1.826.395.201
31/12	PKT03	31/12	Xác định thuế TNDN	821	218.267.300	
				3334		218.267.300
31/12	PKT04	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	218.267.300	
				821		218.267.300
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	837.069.202	
				421		837.069.202
			Tổng cộng		200.534.657.900	200.534.657.900

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 27: Trích sổ cái TK 911**Đơn vị :** Công ty TNHH**Mẫu số S03b - DNN**

Thương mại Minh Châu

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC***Địa chỉ:** Km 9+300, đường 5 cũ, HP*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ CÁI TÀI KHOẢN****911 - Xác định kết quả kinh doanh****Năm 2017****Đơn vị tính: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		33.375.341.397
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.927.306
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	30.448.537.000	
31/12	PKT02	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.826.395.201	
31/12	PKT03	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	218.267.300	
31/12	PKT05	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	837.069.202	
			Cộng số phát sinh		33.366.268.703	33.366.268.703
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH thương mại Minh Châu năm 2017:

Biểu số 28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, HP

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	33.357.341.397	31.217.238.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		33.357.341.397	31.217.238.691
4. Giá vốn hàng bán	11		30.448.537.000	29.110.372.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2.908.804.397	2.106.866.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.927.306	3.284.048
7. Chi phí tài chính	22		-	210.141.426
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	210.141.426
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.826.395.201	992.381.370
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		1.091.336.502	507.627.943
10. Thu nhập khác	31		-	
11. Chi phí khác	32		-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.091.336.502	507.627.943
14. Chi phí thuế TNDN	51		218.267.300	101.525.589
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập công ty (60 = 50 – 51 – 52)	60		873.069.202	409.102.354

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH CHÂU****3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu.****3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Minh Châu**

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH thương mại Minh Châu. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của Công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH thương mại Minh Châu là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của Công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp.
Ưu điểm:

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của Công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một kế toán vốn bằng tiền, một kế toán công nợ, một kế toán TSCĐ, HTK kiêm Thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:

+) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại Minh Châu

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban giám đốc dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận ..

Thứ hai, về việc chưa xây dựng chính sách về chiết khấu thương mại cho khách hàng mua số lượng lớn

Thứ ba về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của Công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Minh Châu

3.2.1 Mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực là kinh doanh buôn bán nước giải khát. Vì vậy, Công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ cho từng loại sản phẩm hàng hóa.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động kinh doanh nước giải khát.

Biểu số 29: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Minh Châu

Mẫu số S17 - DNN

Địa chỉ: Km 9+300, đường 5 cũ, An Hồng, An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**Tên sản phẩm: Nước cam****Năm 2017****Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số Lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Thuế	Khác
...			
11/12	PT11/12	13/12	Nước cam	131	100	124.182	12.418.200		
...			
			Cộng số phát sinh				286.239.510		
			Doanh thu thuần				286.239.510		
...	Giá vốn hàng bán				230.500.000		
			Lãi gộp				55.739.510		

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2 Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều Công ty bán điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao buộc Công ty TNHH thương mại Minh Châu phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Minh Châu em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của công ty cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 511. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

TH1: Người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm

VD1: Ngày 22/12/2017 Công ty TNHH thương mại Minh Châu có chương trình chiết khấu thương mại từ ngày 22/12/2017 đến 31/12/2017 như sau: Mua 200 thùng cocacola (24 lon/330ml/thùng) các loại (giá chưa thuế) sẽ được hưởng CKTM là 10%

Ngày 25/12/2017 tổng đại lý bán hàng tại Chung Chiến mua 200 thùng cocacola theo hợp đồng thì được hưởng chiết khấu 10%

- Giá bán chưa thuế : 174.400. - 17.440 =156.960

* Định khoản:

Nợ TK 112: 34.531.200

Có TK 511: 31.392.000

Có TK 3331: 3.139.200

TH2: Người mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng

VD2: Ngày 20/12/2017 Công ty TNHH thương mại Minh Châu ký hợp đồng với Công ty cổ phần giải khát HN: Mua 200 thùng cocacola(24 lon/330ml/thùng) trị giá 174.400đ/ thùng(giá chưa thuế, CKTM 10%)

Ngày 20/12/2017 Công ty cổ phần giải khát HN mua 100 thùng nước cocacola(24lon/330ml/thùng) (Lần mua hàng này chưa đủ số lượng của chương trình chiết khấu, Công ty TNHH thương mại Minh Châu vẫn xuất hóa đơn cho Công Ty cổ phần nước giải khát HN với giá 174.400đ/thùng

Ngày 25/12/2017 Công ty mua thêm 100 thùng nước cocacola (24lon/330ml/thùng) (Lần mua hàng này tính tổng lượng hàng công ty cổ phần nước giải khát HN đã mua đủ 200 thùng, như vậy Công ty cổ phần HN được hưởng CKTM 10%)

-Công ty TNHH thương mại Minh Châu viết hóa đơn lần cuối cùng sẽ trừ phần CKTM 10% của toàn bộ hợp đồng

Tổng tiền chiết khấu là: $10 \times 174.400 \times 10\% = 174.400$

* Định khoản:

- Ngày 20/12/2017

Nợ TK 112,131:19.184.000

Có TK 511:17.440.000

Có TK 3331: 1.744.000

- Ngày 25/12/2017

Hạch toán doanh thu bán hàng:

Nợ TK 112,131:19.184.000

Có TK 511: 17.440.000

Có TK 3331:1.744.000

Hạch toán chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111:34.880.000

Nợ TK 3331:3.488.000

Có TK 112.131:38.368.000

3.2.3 Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

Về việc áp dụng tin học vào kế toán trong điều kiện kỹ thuật điện toán đang có những bước phát triển nhanh chóng với nhiều thành tựu to lớn, việc sử dụng tin học vào lĩnh vực kế toán ngày càng được phổ biến và mang lại hiệu quả cao. Thực tế ở Công ty đã trang bị thiết bị máy vi tính nhưng chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Excel làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy, Công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để Công ty có thể lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, phần mềm kế toán Smart Soft, ...

Em xin được giới thiệu một vài phần mềm phổ biến nhất:

PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp công ty không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình

- Tính năng:

+ Dễ dàng sử dụng

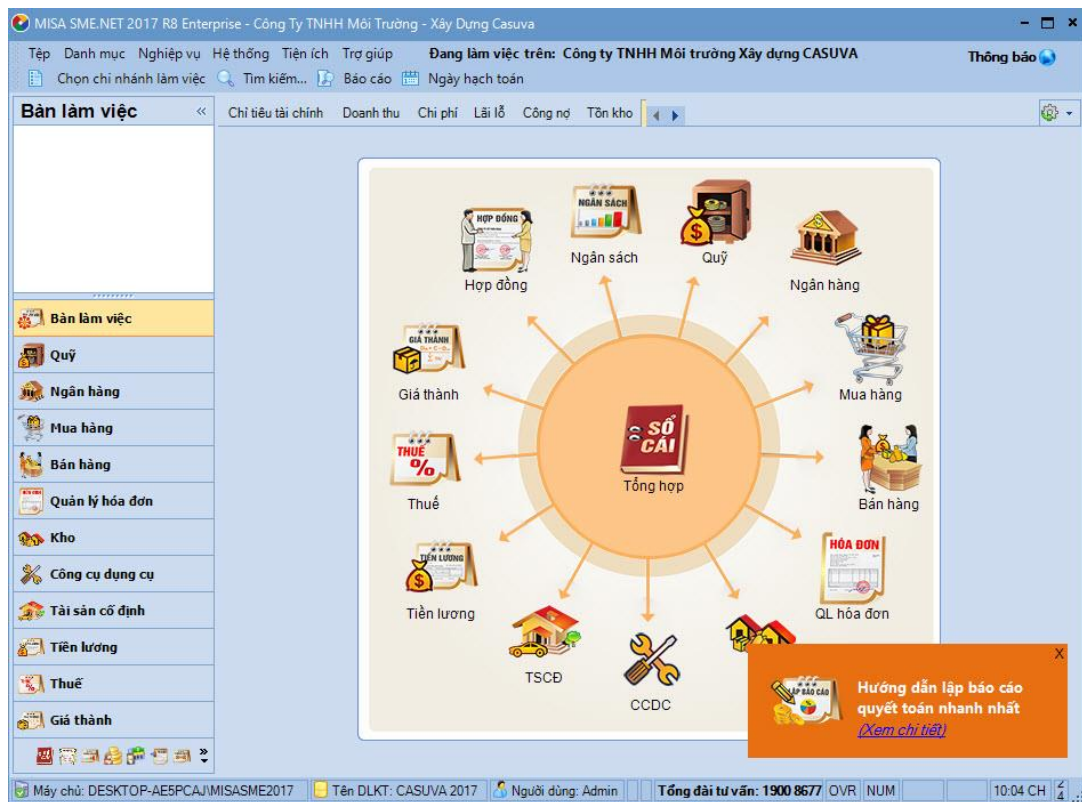
+ Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất

+ Sử dụng rất nhiều hình ảnh nghiệp vụ, giúp cho người sử dụng dễ dàng hình dung ra được quy trình hạch toán kế toán.

Giá bán của phần mềm MISA SME.NET 2017 gói Enterprise với đầy đủ 16 phân hệ (Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp) hiện nay là: 12.950.000 đồng.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017:

PHẦN MỀM KẾ TOÁN FAST ACCOUNTING

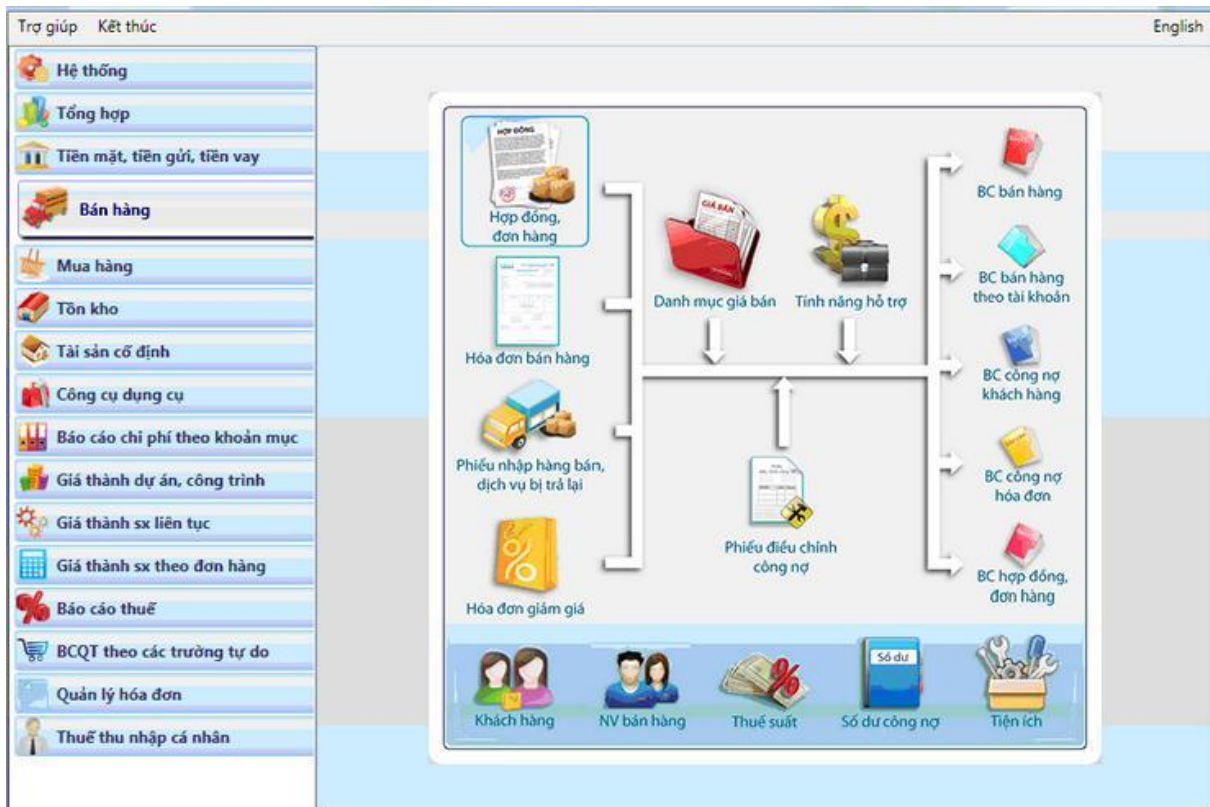


- Fast accounting là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ.

- Fast Accounting - Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome

Giá bán của phần mềm Fast Accounting 14 phân hệ là 9.900.000 đồng

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán Fast Account:



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH thương mại Minh Châu tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Minh Châu”** làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

❖ Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

❖ Về mặt thực tiễn:

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty TNHH Minh Châu.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Châu:

- Giải pháp thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- Giải pháp thứ hai: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại
- Giải pháp thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chi nhánh công ty TNHH thương mại Minh Châu, tài liệu kế toán (2017)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.